

Bản án số: 57/2023/HS-ST

Ngày 12 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Đán

Bà Lê Thị Vân Anh

Ông Trương Thanh Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 tại Nam Định; nơi thường trú: Xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1954 và bà Lưu Thị D, sinh năm 1962; bị cáo có 01 em gái và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Trần Thị N** - Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số F Quốc lộ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- **Bị hại:** Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1988 (vắng mặt khi tuyên án) Trú tại: Tổ A, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Phạm Thị Thanh X**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Ông **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1954 (vắng mặt khi tuyên án)

Trú tại: Xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định

- *Người làm chứng*: Chị **Nguyễn Hương G**, sinh năm 1999 (vắng mặt khi tuyên án).

Trú tại: R R, số G N, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2022, Nguyễn Thu H sử dụng hộ chiếu số C0197709 từ Việt Nam đi qua Cửa khẩu Quốc tế B2 đến Campuchia để làm nhiều công việc khác nhau tại thành phố S. Đến tháng 7/2022, một người phụ nữ tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) cũng đang sinh sống tại Campuchia giới thiệu H vào làm việc cho một công ty không có tên tại thành phố S do người Trung Quốc làm chủ. Khi vào làm việc, H biết được Công ty này thực hiện các thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua mạng internet, làm việc trong Công ty này đa số là người Trung Quốc, người Campuchia và có 14 người Việt Nam; giữa H và những người này trao đổi với nhau thông qua 01 người phiên dịch tiếng Trung Quốc.

Công ty chia nhân viên ra từng thành nhóm khác nhau để làm việc vì múi giờ và ngôn ngữ khác nhau; H không rõ công việc của những người Trung Quốc và Campuchia. Về nhóm người Việt Nam thì Công ty chia thành nhiều bộ phận khác nhau để phối hợp chặt chẽ cùng nhau lừa đảo chiếm đoạt tiền của người Việt Nam, gồm: bộ phận tìm kiếm khách hàng - là thực hiện tìm kiếm dẫn dụ người để lừa đảo; bộ phận chăm sóc khách hàng - là bộ phận tạo các lý do không cho rút tiền, yêu cầu nộp thêm tiền; bộ phận xuất nhập khoản - là bộ phận thống kê, theo dõi tài khoản nhận tiền do khách nộp vào hoặc chi tiền cho khách và thực hiện rửa tiền; bộ phận kế toán thực hiện việc tính tiền hoa hồng cho nhân viên khi đã lừa đảo chiếm đoạt được tiền của khách hàng. H được Công ty giao nhiệm vụ ở bộ phận tìm kiếm khách hàng với mức lương cố định là 200 USD/tháng, ngoài ra H sẽ được hưởng hoa hồng 05% số tiền mà Công ty lừa đảo chiếm đoạt của khách hàng do H tìm kiếm được. Để thực hiện hành vi lừa đảo, H được Công ty cấp 01 điện thoại di động hiệu Huawei Y7A và 01 máy vi tính để bàn được kết nối internet và đăng nhập sẵn tên tài khoản mạng xã hội Facebook “Phạm Gia H1” để H tham gia các hội, nhóm của người Việt Nam trên mạng xã hội Facebook kết bạn, làm quen với nhiều người rồi lôi kéo, dụ dỗ họ tham gia vào các chương trình của Công ty tự đưa ra và được lập trình sẵn, mục đích là lừa đảo chiếm đoạt tiền mà họ tin tưởng chuyển vào tài khoản để tham gia các chương trình này. Sau khi làm quen, H chủ động nhắn tin qua lại tạo môi thiện cảm và lòng tin, khi đã thân thiết thì H giới thiệu các chương trình của Công ty qua trang Web “Vndirectco.vn” và cho khách hàng chơi thử, trải nghiệm. Ban đầu, Công ty sẽ cho khách hàng hưởng lợi nhuận, được rút tiền để họ tin tưởng việc đầu tư vào chương trình của Công ty là có thật, nhưng

sau khi khách hàng tin tưởng và đầu tư số tiền lớn thì bộ phận chăm sóc khách hàng sẽ tạo ra các lý do không cho rút tiền, yêu cầu nộp thêm các khoản tiền khác... nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền nhiều hơn nữa. H có nhiệm vụ tiếp tục giữ liên lạc, tạo niềm tin cho khách hàng, thường xuyên trao đổi các nội dung liên quan, động viên, khích lệ họ thực hiện theo các yêu cầu của bộ phận chăm sóc khách hàng.

Khoảng tháng 7/2022, anh Nguyễn Thanh T sử dụng tài khoản Facebook tên “Thanh Tuấn N1” kết bạn với tài khoản Facebook tên “Phạm Gia H1” do Nguyễn Thu H sử dụng. Sau khi làm quen, H thường xuyên nhắn tin, trò chuyện với anh T để tạo mối quan hệ thân thiết. Đến ngày 02/8/2022, H giới thiệu anh T tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử qua trang Web “Vndirectco.vn” để hưởng lợi nhuận thì anh T đồng ý. H gửi cho anh T một tài khoản chơi thử nghiệm với tên anietran666; mật khẩu anietran666 thông qua đường link là <http://vpspfc.vn/> chơi trên trang Web “Vndirectco.vn”. Anh T1 thực hiện các thao tác theo hướng dẫn của H để chơi thử thì thấy dễ chơi, có lợi nhuận thật. Để anh T1 tin tưởng hơn, H đã chụp một số hình ảnh về việc rút tiền lợi nhuận từ việc anh T1 chơi thử từ tài khoản anietran666 gửi cho anh T1 xem, anh T1 tin là thật nên đã đồng ý tham gia chơi sàn giao dịch điện tử qua trang Web “Vndirectco.vn”. H hướng dẫn anh T1 tạo tài khoản, mật khẩu, điền số tài khoản ngân hàng của anh T1 để anh T1 đăng ký tài khoản riêng của mình có tên “thanhtuan010788@” để thực hiện các đơn hàng và hưởng lợi nhuận. Bên cạnh đó, anh T1 còn được nhân viên chăm sóc khách hàng trong trang Web “Vndirectco.vn” hướng dẫn, cung cấp các số tài khoản ngân hàng để anh T1 chuyển tiền vào tham gia, lệnh rút tiền và thực hiện các nhiệm vụ như sau: Ngày 02/8/2022, anh T1 dùng tài khoản của mình số 7810119889999 mở tại ngân hàng M1 chuyển 4.800.000 đồng vào tài khoản số 19038606938010 tên NGUYEN VAN DAT mở tại ngân hàng T3 thì được chuyển lại 5.400.000 đồng; ngày 04/8/2022, anh T1 tiếp tục dùng tài khoản của mình chuyển 24.000.000 đồng vào tài khoản số 103876288965 của N2 mở tại ngân hàng V thì được chuyển lại 30.840.000 đồng.

Do thấy sau khi hoàn thành các nhiệm vụ thì đều được nhận lại số tiền đã nộp và tiền lợi nhuận nên anh T1 tin tưởng sàn giao dịch điện tử này đầu tư có lợi nhuận thật và tiếp tục 05 lần chuyển tiền đầu tư với tổng số tiền 1.093.784.000 đồng và đã bị chiếm đoạt, cụ thể: Ngày 04/8/2022, anh T1 dùng tài khoản của mình chuyển vào tài khoản số 103876288965 tên N2 mở tại ngân hàng V 72.000.000 đồng thì nhận được thông báo từ bộ phận chăm sóc khách hàng là anh T1 nhận được “đơn hàng may mắn” (được nhận lợi nhuận cao gấp 10 lần so với đơn hàng thông thường) và yêu cầu nộp thêm 504.000.000 đồng để hoàn thành đơn hàng. Do đó, ngày 05/8/2022 anh T1 đã 02 lần chuyển tổng cộng 504.000.000 đồng vào tài khoản NGUYEN VAN DAT mở tại ngân hàng T3 (lần 01 là 254.000.000 đồng, lần 02 là 250.000.000 đồng). Cùng ngày, anh T1 lại nhận được thông báo từ người tên H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở bộ phận chăm sóc khách hàng yêu cầu nộp thêm 517.784.000 đồng để đảm bảo cân bằng tài chính vào tài khoản số 103876288965 của NGUYEN THANH LUAN, mở tại ngân hàng V; anh T1 tiếp tục dùng tài khoản của mình chuyển

317.784.000 đồng và dùng tài khoản số 2830119863333 của vợ là chị Phạm Thị Thanh X mở tại ngân hàng M1 để chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản tên NGUYEN THANH LUAN. Sau khi chuyển số tiền trên thì anh T1 tiếp tục nhận được thông báo từ người tên H2 ở bộ phận chăm sóc khách hàng yêu cầu phải nộp tiền thuế thu nhập cá nhân với số tiền 365.784.000 đồng thì mới được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp và tiền lợi nhuận. Do không còn tiền để nộp nên anh T1 xin gia hạn thời gian nộp tiền. Lúc này, H liên lạc với anh T1 qua Facebook Phạm Gia H1 liên tục hối thúc nộp 365.784.000 đồng.

Đầu tháng 9/2022, H chuyển sang làm tại bộ phận “Xuất nhập khẩu” và biết anh T1 bị lừa khoảng 1 tỷ đồng. Ngày 15/9/2022, H nhận số tiền hoa hồng 5% trên tổng số tiền anh T1 bị chiếm đoạt và được bộ phận kế toán của Công ty trả là 2.500 USD và H đổi sang tiền Việt Nam được 60.000.000 đồng. Đến ngày 28/9/2022, Công ty thông báo bị cảnh sát Campuchia kiểm tra nên ngừng hoạt động và yêu cầu toàn bộ nhân viên chuyển ra khách sạn bên ngoài ở. Ngày 04/10/2022, Công ty thông báo giải thể và yêu cầu toàn bộ người Việt Nam về nước. Ngày 09/10/2022, H về Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Mộc B1 và mang theo điện thoại di động hiệu Huawei của Công ty đã đưa cho H sử dụng trước đó. Do trang Web “Vndirectco.vn” bị “sập” không truy cập được nên anh T1 nghi ngờ bị lừa và làm đơn tố cáo Nguyễn Thu H đến Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh B. Ngày 13/10/2022, H ra đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Huawei Y7A màu hồng có số IMEI: 862513576355647 và 862513682464564 và số tiền 60.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 123/KL(KTS)-KTHS ngày 23/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7A màu hồng, số IMEI: 862513576355647 và 862513682464564 mà H giao nộp, gửi giám định đã trích xuất được các dữ liệu gồm 49 tin nhắn SMS; nhiều tập tin hình ảnh có liên quan đến vụ án; không tìm thấy tin nhắn Z, F và T2 (kèm đĩa CD dung lượng 700MB).

Tại Kết luận giám định số 3453/KLKTHS ngày 17/8/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố H kết luận: Điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7A màu hồng mà H giao nộp đã trích xuất được một số dữ liệu hình ảnh chụp màn hình hiển thị tin nhắn của các ứng dụng Zalo, Facebook, T2 phù hợp với nội dung vụ án (kèm theo 01 thiết bị lưu trữ DVD).

Tại Kết luận giám định số 941/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tập tin có tên “Phạm Gia H1.pdf” (ký hiệu A); thời gian khởi tạo vào 11 giờ 15 phút 59 giây ngày 13/10/2022; trích xuất được 1.498 trang A4 trong File ảnh định dạng PDF tên “Phạm Gia H1” có liên quan đến vụ án.

Kết quả kiểm tra điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7A do Nguyễn Thu H giao nộp xác định: Điện thoại đã được cài đặt ứng dụng Facebook đang đăng nhập tài khoản có địa chỉ: <http://www.Facebook.com/Gh22991> tên “Phạm Gia H1”. Kiểm tra phần tin nhắn xác định còn lưu toàn bộ nội dung tin nhắn giữa tài khoản “Phạm Gia H1” với “Thanh Tuấn N1” là có nội dung liên quan đến

việc “Phạm Gia H1” dụ dỗ, hướng dẫn anh T1 tham gia đầu tư vào trang Web Vndirectco.vn để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T1.

Cáo trạng số 46/CT-VKSBP-P1 ngày 27/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo, bị hại và ông Nguyễn Quốc B thống nhất ông B sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 250.000.000 đồng ngoài số tiền 60.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra.
- Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 46/CT-VKSBP-P1 ngày 27/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H từ 10 đến 11 năm tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự với nội dung ông Nguyễn Quốc B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 250.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: trả cho bị hại 60.000.000 đồng và tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động của bị cáo.
- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng nhưng không thống nhất với hình phạt mà Viện kiểm sát đưa ra, đề nghị xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh T đã lấy 200.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của chị Phạm Thị Thanh X để chuyển cho các tài khoản lừa đảo theo hướng dẫn của H cùng đồng bọn, chị X không bị lừa dối và cũng không bị chiếm đoạt tài sản nên không phải là bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 62 mà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 65

Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho phù hợp.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc B là cha của bị cáo đã thống nhất thỏa thuận với bị cáo, bị hại sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi của ông.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản kiểm tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Thu H từ Việt Nam sang Campuchia làm việc từ tháng 01 năm 2022, đến tháng 7 năm 2022 bị cáo xin vào làm việc cho công ty không có tên do người Trung Quốc làm chủ tại thành phố S - V Campuchia. Bị cáo biết rõ Công ty này lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xã hội Facebook nhưng bị cáo vẫn chấp nhận làm việc và đảm nhận vai trò tìm kiếm, dụ dỗ, lôi kéo người Việt Nam tham gia vào sàn giao dịch thương mại điện tử không có thật trên trang Web “Vndirectco.vn”, từ đó bị cáo đã làm quen, lôi kéo và lừa dối để anh Nguyễn Thanh T chuyển 05 lần với tổng số tiền 1.093.784.000 đồng vào các tài khoản do Công ty nơi bị cáo đang làm việc lập ra rồi chiếm đoạt, sau đó bị cáo được chia 5% trên tổng số tiền anh T bị chiếm đoạt là 2.500 USD, tương đương số tiền 60.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thu H đã có hành vi cùng với những đối tượng người Việt Nam, Trung Quốc và Campuchia bằng các thủ đoạn tinh vi, thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, T2 đã lừa dối để anh Nguyễn Thanh T tin tưởng và tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử Vndirectco.vn do các đối tượng này lập ra để chiếm đoạt số tiền 1.093.784.000 đồng. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 46/CT-VKSBP-P1 ngày 27/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc dùng thủ đoạn kết bạn làm quen, đưa ra các thông tin để tạo lòng tin dẫn dụ khách hàng tham gia các chương trình không có thật của Công ty là gian dối, mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần xử phạt bị cáo bằng một mức án tù có thời hạn nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho những đối tượng người Trung Quốc và Campuchia, mặc dù khi biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin nghỉ nhưng sau đó bị cáo vẫn thực hiện theo chỉ đạo của Công ty, bị cáo được trả lương 200 USD mỗi tháng và chia 5% số tiền lừa được cũng được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mới phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo có bố là thương binh Hạng 4/4 và được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhất, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo chỉ là người làm thuê cho các đối tượng người nước ngoài, có vai trò thứ yếu, khi biết làm cho Công ty lừa đảo thì bị cáo xin nghỉ nhưng phía Công ty đã buộc bị cáo bồi thường từ 4.000 USD nên bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội theo kịch bản mà Công ty giao; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ, mới phạm tội lần đầu, có bố là người có công với cách mạng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có hai tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng quy định tại Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Đối với các đối tượng khác:

Đối với Công ty do người Trung Quốc làm chủ, có trụ sở tại thành phố S – Vương quốc Campuchia; trong Công ty có nhiều người thuộc nhiều quốc gia khác nhau cùng phối hợp chặt chẽ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người thuộc nước mình thông qua sử dụng trang Web "Vndinetco.vn" trên mạng Internet. Viện kiểm nhân dân tối cao căn cứ Công văn đề nghị tương trợ tư pháp số 718 ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ban hành hành Công văn số 3022 ngày 28/7/2023 đề nghị Bộ Tư pháp Vương quốc Campuchia thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự số 717 ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để làm rõ những nội dung H cung cấp, nhưng đến nay đã hết thời hạn điều tra vụ án nhưng chưa nhận được kết quả tương trợ tư pháp. Xét thấy, việc chưa có kết quả tương trợ tư pháp trên không ảnh hưởng đến việc xử lý hành vi phạm tội của Nguyễn Thu H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục chờ kết quả tương trợ tư pháp để xác minh xem xét xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thành L: Tài khoản số 19038606938010 mở ngày 16/6/2022 tại Ngân hàng T3 tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1991; nơi thường trú: V, V, C, An Giang; chứng minh nhân dân số 352294801, cấp ngày 13/5/2019 tại Công an tỉnh A và tài khoản số 103876288965 mở tại Ngân hàng V chi nhánh Thành phố H tên NGUYEN THANH LUAN, sinh ngày 13/4/1999; địa chỉ: I Đồng Nai, phường A, quận A, TP Hồ Chí Minh; chứng minh nhân dân số 215475975, cấp ngày 26/10/2016 tại Công an tỉnh B – là 02 số tài khoản mà nhóm bị cáo H cung cấp cho anh T chuyển tiền vào để chiếm đoạt. Kết quả điều tra thể hiện anh Đ đã làm mất chứng minh nhân dân trên vào năm 2020 khi đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương; sau khi được Công an tỉnh A cấp chứng minh nhân dân mới thì vào cuối năm 2020, anh Đ đến Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm nhưng không có, hết tiền tiêu xài đã cầm cố; do đã lâu nên anh Đ không nhớ địa chỉ cầm cố và đến nay chưa nhận lại. Còn đối với anh L thì vào năm 2021, sau khi làm thủ tục cấp căn cước công dân, trong thời gian đợi nhận căn cước công dân thì anh L đã bị mất chứng minh nhân dân. Cả anh Đ và anh L đều xác định không sử dụng chứng minh nhân dân để đăng ký những số tài khoản ngân hàng nêu trên và không biết ai sử dụng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó không đủ cơ sở xử lý Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thành L vai trò đồng phạm với Nguyễn Thu H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh T, bị cáo Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Quốc B thống nhất thỏa thuận ngoài số tiền 60.000.000 đồng bị cáo nộp tại Cơ quan điều tra thì ông B có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh T 250.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7A màu hồng, số IMEI: 862513576355647 và 862513682464564 là phương tiện bị cáo được Công ty cấp để thực hiện hành vi lừa đảo nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền 60.000.000 đồng là tiền bị cáo đã chiếm đoạt được từ bị hại nên cần trả lại cho bị hại.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[10] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải bồi thường, nhưng do ông B là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 13/10/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thu H, bị hại Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B,

Ông Nguyễn Quốc B có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI Y7A màu hồng, có số IMEI: 862513576355647 và 862513682464564.

Trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0007, quyền số 0000332 giữa Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước ngày 07/11/2023).

4. Về án phí: Áp dụng các điều 12, 21 và 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Bị cáo Nguyễn Thu H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Quốc B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum